TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hiến
2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L1, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn Vân Thạch, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L2, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn Phú Bình, xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L1 trình bày:

Bà và ông Lê Văn L2 kết hôn với nhau năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã Ninh Phụng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119 quyển số 01/2013 ngày 27/12/2013. Quá trình chung sống ông bà có với nhau 01 con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 29/4/2014.

Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do ông L2 không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn rồi về nhà gây gổ đánh đập vợ con, đập phá tài sản trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 07/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn L2.

Về con chung: Hiện nay cháu Lê Nhật H, sinh ngày 29/4/2014 do bà trực tiếp nuôi dưỡng nên bà tự nguyện tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Lê Văn L2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông L2.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L1 vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L2; về con chung: Bà L1 tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Lê Nhật H, sinh ngày 29/4/2014 đến tuổi trưởng thành. Bà L1 không yêu cầu ông Lê Văn L2 cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà L1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông L2

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Nhật H, sinh ngày 29/4/2014 cho bà Trần Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Bà L1 không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Bà L1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông L2 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Lê Văn L2 mặc dù đã được Tòa án tống đạt Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông L2 đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông L2 theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Lê Văn L2 hiện cư trú tại: Thôn Phú

Bình, xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L1 và ông Lê Văn L2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Phụng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119 quyển số 01/2013 ngày 27/12/2013 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Trần Thị L1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa bà L1 và ông L2 không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông L2 không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn rồi về nhà gây gổ đánh đập vợ con, đập phá tài sản trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 07/2018 cho đến nay, bà L1 khẳng định không còn tình cảm với ông L2 nên xin ly hôn. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng, ông L2 cố tình vắng mặt không đến Tòa, điều này đủ cơ sở xác định ông L2 không còn quan tâm đến bà L1. Như vậy, đời sống chung của bà L1, ông L2 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà L1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của bà L1 thì có 01 con chung là Lê Nhật H, sinh ngày 29/4/2014, bà L1 tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Hiện tại con chung đang sinh sống với bà L1, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho cháu H, Hội đồng xét xử xét nên giao con chung cho bà L1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L1 không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông L2 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà L1 phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L1.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị L1 được ly hôn ông Lê Văn L2.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 29/4/2014 cho bà Trần Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Ông Lê Văn L2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị L1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006238 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Bà L1 đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Phụng, thị xã Ninh Hòa;
GCNKH số: 119 ngày 27/12/2013;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quốc Thịnh